

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành pháp luật về Phòng không nhân dân giai đoạn từ năm 2015 - 2021 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị định số 74/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Phòng không nhân dân, Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổng kết thi hành pháp luật về Phòng không nhân dân giai đoạn 2015 - 2021 và Quyết định số 1668/QĐ-BQP ngày 05 ngày 6 tháng 2021 của Bộ Quốc phòng ban hành Kế hoạch tổng kết thi hành pháp luật về Phòng không nhân dân giai đoạn 2015 - 2021; Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về Phòng không nhân dân giai đoạn từ năm 2015 - 2021 trên địa bàn tỉnh, như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Kon Tum là tỉnh miền núi, nằm ở phía Bắc Tây Nguyên có vị trí chiến lược về quốc phòng và an ninh với diện tích tự nhiên hơn 9.690km²; có đường biên giới dài khoảng 292,522km (trong đó, giáp với Lào 154,222km và giáp với Campuchia 138,3km); dân số trên 540.000 người; có 10 đơn vị hành chính, gồm: 09 huyện và 01 thành phố (trong đó có 04 huyện biên giới); 102 xã, phường, thị trấn (trong đó có 17 xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh), 13 xã biên giới (06 xã giáp với Lào, 06 xã giáp với Campuchia và 01 xã giáp với Lào và Campuchia).

Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum phát triển ổn định. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân trên địa bàn tỉnh ngày càng nâng cao và cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, nâng cấp; an ninh quốc phòng được củng cố và giữ vững, hệ thống chính trị ngày càng được củng cố và tăng cường. Tuy nhiên, Kon Tum vẫn là tỉnh nghèo so với cả nước, kinh tế có bước phát triển nhưng phần lớn phục thuộc vào ngân sách nhà nước. Tính đến cuối năm 2020, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt khoảng 31,5 triệu đồng/người/năm; người dân sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, trồng cây công nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi.

Bên cạnh đó, các thế lực thù địch vẫn đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình” thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nhằm lật đổ chế độ, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ta; sự tác động của biến đổi khí hậu đến

môi trường ngày một gia tăng, tình hình dịch bệnh, thiên tai diễn biến khó lường; giá cả các loại mặt hàng nông sản và cây công nghiệp không ổn định; tình trạng chặt phá rừng và khai thác lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và buôn bán, vận chuyển chất các chất ma túy, cho vay nặng lãi, tín dụng đen... diễn biến phức tạp.

Mặt khác, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, phương tiện tiên công đường không và hoạt động tác chiến đường không được các quốc gia trên thế giới ưu tiên phát triển nhằm nâng cao khả năng tác chiến. Đặc biệt những năm gần đây là sự phát triển của máy bay không người lái (UAV), nhiều loại UAV được thông minh hóa, sử dụng trí tuệ nhân tạo, tích hợp khí tài trinh sát, quan sát điện tử, vũ khí điều khiển chính xác... đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ và xuất hiện phổ biến trên chiến trường. Ngoài ra, các loại phương tiện bay siêu nhẹ phát triển nhanh chóng, đa dạng, nhiều chủng loại... được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực đời sống xã hội.

Với những đặc điểm trên đã tác động, chi phối nhất định đến quá trình triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở địa phương nói chung, cũng như thực hiện công tác phòng không nhân dân nói riêng.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Kết quả đạt được:

a. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện pháp luật về Phòng không nhân dân:

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, hướng dẫn tổ chức thực hiện nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật về Phòng không nhân dân. Đặc biệt là quán triệt, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện công tác Phòng không nhân dân trong thời bình gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ địa phương vững chắc.

- Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và học tập về Phòng không nhân dân, như: tổ chức Quán triệt ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Phòng không nhân dân và Thông tư số 06/2016/TT-BQP ngày 23 tháng 01 năm 2016 của Bộ Quốc phòng; ôn lại lịch sử, truyền thống vẻ vang của lực lượng Phòng không nhân dân Việt Nam đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên Miền Bắc (*giai đoạn từ năm 1964-1972*), chiến thắng 12 ngày đêm “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”, các ngày truyền thống của lực lượng Phòng không - Không quân nhân dân Việt Nam; phổ biến về vũ khí công nghệ cao, vũ khí tiên công đường không của các nước trên thế giới và cách phòng tránh. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến cho toàn

thể người dân biết, thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về công tác quản lý vùng trời, quản lý hoạt động bay⁽¹⁾.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các sở, ban ngành, đoàn thể thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhất là các quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện công tác phòng không nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, củng cố năng lực và phát huy theo phương châm “4 tại chỗ”; lấy nhiệm vụ Phòng không nhân dân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân.

b. Công tác tham mưu, đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật triển khai thi hành pháp luật về Phòng không nhân dân; việc phối kết hợp của các sở, ban ngành, chính quyền địa phương trong việc triển khai, thực hiện công tác Phòng không nhân dân thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã chủ động tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh⁽²⁾, đồng thời thường xuyên tổ chức rà soát, bổ sung và kiện toàn cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương.

- Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện về công tác Phòng không nhân dân trên địa bàn tỉnh⁽³⁾; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và các sở, ban ngành, địa phương thường xuyên rà soát hệ thống văn bản, hướng dẫn về công tác Phòng không nhân dân để kịp thời tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung và ban hành văn bản chỉ đạo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh đảm bảo hiệu quả nhằm củng cố, nâng cao vị trí, vai trò của công tác Phòng không nhân dân trên địa bàn tỉnh.

¹ Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay, Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về Quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ, Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chương ngại vật hàng không, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; Thông tư số 35/2017/TT-BQP ngày 12 tháng 02 năm 2017 của Bộ Quốc phòng quy định Tiêu chuẩn điều kiện bay; tiêu chuẩn, thủ tục cấp phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; khai thác tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ; Quyết định số 95/2009/QĐ/TTg ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Cấm sản xuất, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, đốt và thả đèn trời và Công văn số 2893/UBND-NC ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường quản lý tàu bay không người lái, các phương tiện bay siêu nhẹ trên địa bàn tỉnh...

² Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh, Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Kiện toàn Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh, Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định địa bàn trọng điểm phòng không tỉnh Kon Tum...

³ Quyết định số 94/QĐ-BCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016 ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh, Quyết định số 96/QĐ-BCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh về việc tổ chức Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh; Quyết định số 665/QĐ-BCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh, Quyết định số 834/QĐ-CQTT ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Cơ quan Thường trực về phân công nhiệm vụ đối với thành viên Cơ quan Thường trực, Quyết định số 1034/QĐ-BCĐ ngày 22 tháng 5 năm 2016 của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế kiểm tra công tác Phòng không nhân dân; Kế hoạch số 109/KH-BCĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh về hoạt động Phòng không nhân dân tỉnh giai đoạn 2017 - 2020, Kế hoạch số 666/KH-BCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh về tuyên truyền công tác Phòng không nhân dân năm 2020, Kế hoạch công tác Phòng không nhân dân và hoạt động của Cơ quan Thường trực từ 2015 - 2021; Hướng dẫn số 483/HD-CQTT ngày 13 tháng 3 năm 2020 về hướng dẫn soạn thảo kế hoạch Phòng không nhân dân cấp huyện...

c. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc xây dựng, phát triển lực lượng Phòng không nhân dân:

- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh là đơn vị trung tâm hiệp đồng, phối hợp với các sở, ban ngành và Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân cấp huyện trong triển khai thực hiện công tác Phòng không nhân dân trên địa bàn tỉnh. Trong những năm qua, đã phối với các sở, ban ngành và Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân của tỉnh đảm bảo quy mô, thành phần theo quy định và hướng dẫn của cấp trên⁽⁴⁾. Lực lượng quan sát, chiến đấu phòng không chủ yếu sử dụng lực lượng Dân quân binh chủng, Dân quân tại chỗ, Dân quân cơ động, tự vệ cơ quan...; lực lượng phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả, vây bắt giặc lái, nguy trang sơ tán chủ yếu sử dụng các đội cứu thương Quân y, dân y, Hội chữ thập đỏ, các đội cứu hỏa, cứu sập của Công an, Quân đội và quần chúng nhân dân...

- Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh đã xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng tránh, đánh địch tiến công hỏa lực⁽⁵⁾. Đồng thời, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ cho các sở, ban ngành, đoàn thể và Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân cấp huyện thực hiện tốt nhiệm vụ sơ tán Nhân dân ra khỏi vùng trọng điểm về phòng không; triển khai thực hiện tốt công tác bảo đảm thông tin liên lạc, y tế, giáo dục và bảo đảm kinh tế, đời sống, sinh hoạt cho nhân dân tại khu sơ tán; tăng cường công tác vận động các lực lượng và quần chúng nhân dân tham gia thực hiện công tác Phòng không nhân dân. Hằng năm, tổ chức các lớp tập huấn về công tác Phòng không nhân dân cho lực lượng phòng không của các sở, ban ngành và hướng dẫn Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân cấp huyện tổ chức tập huấn cho lực lượng phòng không trên địa bàn huyện nhằm nắm chắc nội dung công việc, biện pháp tổ chức thực hiện khi có tình huống tác chiến phòng không.

- Về lực lượng phòng không kiêm nhiệm: Tiếp tục kiểm tra, tổ chức và huấn luyện lực lượng phòng không kiêm nhiệm và cũng là lực lượng nòng cốt trong trực sẵn sàng chiến đấu phòng không ở trạng thái thường xuyên.

- Về lực lượng phòng không Dân quân tự vệ: Quán triệt và thực hiện nghiêm Luật Dân quân tự vệ và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; đảm bảo lực lượng phòng không Dân quân tự vệ và được biên chế đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng⁽⁶⁾. Hằng năm, được tổ chức huấn luyện đầy đủ các nội

⁴ Tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để xây dựng các lực lượng chuyên môn phòng không đảm bảo về số lượng và chất lượng theo từng ngành đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao; đến nay trên địa bàn toàn tỉnh có: 36 tổ bộ binh bắn mục tiêu bay thấp thuộc các sở, ban ngành và đã thành lập, ra mắt 126 tổ cứu thương, cứu sập, cứu hỏa, phục vụ chiến đấu với 378 đồng chí; các huyện, thành phố có 756 tổ bộ binh bắn mục tiêu bay thấp và 510 tổ cứu thương, cứu sập, cứu hỏa, phục vụ chiến đấu với 2.550 người.

⁵ Kế hoạch số 252/KH-PKND ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổng thể công tác Phòng không nhân dân tỉnh

⁶ Lực lượng Dân quân tự vệ phòng không là 676 đồng chí/10.840 đồng chí của toàn lực lượng Dân quân tự vệ toàn tỉnh, trong đó: 20bSMPK12,7mm/DQTV phòng không của 10 huyện, thành phố với 620 đ/c; 01 Đại đội PPK 37mm-1nòng/DQTV phòng không của tỉnh với 56 đ/c; tỷ lệ nữ dân quân là 09/676 đ/c chiếm 0,13%.

dung theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ⁽⁷⁾.

- Về lực lượng phòng không Dự bị động viên: Thường xuyên được phúc tra, sắp xếp nguồn biên chế theo đúng quy định. Hằng năm, tổ chức huấn luyện chuyên loại chuyên nghiệp quân sự cho quân nhân sắp xuất ngũ để biên chế vào các đơn vị Dự bị động viên phòng không⁽⁸⁾ và huấn luyện các đơn vị Dự bị động viên phòng không đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định⁽⁹⁾.

d. Nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, đảng viên và nhân dân về công tác Phòng không nhân dân; kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định pháp luật về Phòng không nhân dân:

Công tác tuyên truyền, giáo dục được tổ chức thực hiện với nhiều hình thức linh hoạt, phương pháp phong phú, đa dạng đảm bảo hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng⁽¹⁰⁾; đồng thời, Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh đưa nội dung tuyên truyền, giáo dục về Phòng không nhân dân vào chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng⁽¹¹⁾ và lồng ghép vào chương trình giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên trên địa bàn⁽¹²⁾... Qua đó, đã nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác Phòng không nhân dân trong tình hình mới; nâng cao tinh thần cảnh giác, đề phòng và làm tốt công tác chuẩn bị để sẵn sàng đánh địch từ sớm, từ xa, đánh địch xâm nhập, tiến công đường không bảo vệ vững chắc khu vực phòng thủ tỉnh.

đ. Sự thống nhất giữa các quy định của pháp luật về Phòng không nhân dân:

Các quy định của pháp luật về Phòng không nhân dân đảm bảo sự thống nhất, trong quá trình triển khai chưa phát hiện sự chồng chéo, bất hợp lý giữa quy định của pháp luật về Phòng không nhân dân với các văn bản hướng dẫn của

⁷ Kết quả huấn luyện lực lượng phòng không Dân quân tự vệ là: Huấn luyện Đại đội PPK 37mm-1nòng 06 lượt với 264 đ/c; huấn luyện Trung đội SMPK 12,7mm 06 lượt với 2737đ/c. Tổ bộ binh tham gia bắn đạn thật mục tiêu trên không trong diễn tập KVPT tỉnh, huyện được 21 tổ với 69 đ/c, kết quả bắn đạt giới.

⁸ Tổng quân số toàn tỉnh là 645/820đ/c đạt tỷ lệ 78,66%. Trong đó: Sĩ quan 37đ/c, Hạ sỹ quan-Chiến sỹ 608đ/c; đúng chuyên ngạch quân sự 531/645đ/c chiếm 82,33%; gần đúng chuyên ngạch quân sự 94/645đ/c chiếm 14,57% và không đúng chuyên ngạch quân sự 20/645đ/c chiếm 3,1%.

⁹ Kết quả huấn luyện, diễn tập các cấp: Cấp tỉnh, hằng năm huấn luyện khung B theo chỉ tiêu của trên giao; năm 2017 tham gia diễn tập KVPT tỉnh có thực binh bắn đạn thật, gồm: 01 Đại đội PPK37mm-1nòng/DBĐV, 01 Đại đội SMPK12,7 mm DBĐV của eBB990 kết quả đạt khá. Cấp huyện, từ năm 2015 - 2021 huấn luyện theo chỉ tiêu trên giao; diễn tập KVPT được từ năm 2015 -2019 được 10/10 huyện, thành phố; năm 2021, diễn tập KVPT được 03 huyện; khi diễn tập KVPT có 01 Trung đội SMPK 12,7mm/DBĐV tham gia thực binh bắn đạn thật (hoặc đạn hơi) kết quả khá.

¹⁰ Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức PKND trên các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền gương người tốt, việc tốt và tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình ở địa phương, các ban, ngành, đoàn thể về hoạt động công tác PKND trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay; chiếu phim tài liệu trong các đợt huấn luyện Dân quân tự vệ, Dự bị động viên.

¹¹ Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng trong giai đoạn từ năm 2015-2021: Đối tượng 2 với 264 đ/c, đối tượng 3 với 1.359 đ/c, đối tượng 4 với 14.126 đ/c. Chức sắc là 77 người, chức việc là 1.002 người và già làng là 869 người.

¹² Giáo dục quốc phòng có nội dung Phòng không nhân dân cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn 2015 – 2021 được là 86.967 em; trong đó: Học sinh là 70.898 em, sinh viên là 16.069 em.

các bộ, ngành Trung ương. Qua thời gian thực hiện, nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên mặt trận đối không được củng cố, tăng cường; chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng phòng không được nâng lên rõ rệt, góp phần quan trọng bảo vệ vững chắc vùng trời của Tổ quốc và phối hợp với các lực lượng khác giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi để tập trung phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nâng cao đời sống người dân tại địa phương.

2. Hạn chế:

a. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về Phòng không nhân dân:

- Một số thành viên Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ trực tiếp tham mưu về công tác Phòng không nhân dân chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo và quán triệt triển khai thực hiện công tác Phòng không nhân dân trên địa bàn.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về Phòng không nhân dân có nội dung chưa sâu, chưa sát với tình hình thực tế của địa phương; chưa được chú trọng và thường xuyên, nhất là tại các địa bàn, khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b. Về thực hiện công tác quản lý nhà nước; xây dựng kế hoạch, lực lượng, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng và tổ chức hoạt động, chế độ chính sách, công tác đảm bảo cho tổ chức hoạt động Phòng không nhân dân:

- Một số lãnh đạo cấp cơ sở chưa nhận thức đầy đủ về âm mưu, thủ đoạn hoạt động của không quân địch trong các tình huống, cũng như tính khẩn trương, ác liệt, phức tạp trên mặt trận đối không có thể xảy ra nên đôi khi còn xem nhẹ việc tổ chức triển khai thực hiện công tác Phòng không nhân dân trên địa bàn.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng, các sở, ban ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương có lúc chưa chặt chẽ, thiếu thống nhất, đồng bộ. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện tham mưu cho Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân có nội dung chưa sát, chưa kịp thời. Một số địa phương đã thành lập Ban Công tác Phòng không nhân dân cấp xã nhưng hoạt động chưa hiệu quả, còn mang tính hình thức.

- Việc thành lập, bồi dưỡng, huấn luyện và duy trì hoạt động của các tổ, đội chuyên môn phòng không còn nhiều hạn chế.

- Nguồn kinh phí bố trí cho công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình phòng tránh công cộng, các trận địa hỏa lực phòng không, mua sắm các phương tiện chuyên dụng, khí tài quang học, còi báo động phòng không, hệ thống thông tin liên lạc... chưa được chú trọng.

3. Nguyên nhân:

a. Nguyên nhân khách quan:

- Kinh phí bố trí cho hoạt động quân sự, quốc phòng nói chung và hoạt động Phòng không nhân dân nói riêng còn gặp nhiều khó khăn.

- Cán bộ trực tiếp tham mưu thực hiện công tác Phòng không nhân dân chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm, trình độ năng lực còn hạn chế; mặt khác, trình độ dân trí không đồng đều nên công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục công tác Phòng không nhân dân đạt hiệu quả chưa cao.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Một số cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp chưa thấy hết vị trí, tầm quan trọng của công tác Phòng không nhân dân; một số cán bộ trực tiếp thực hiện công tác Phòng không nhân dân chưa nhận thức đầy đủ âm mưu, thủ đoạn và tính khẩn trương, ác liệt, phức tạp trên mặt trận đối không.

- Việc quán triệt, học tập các chỉ thị, nghị quyết của các cấp về công tác quân sự, quốc phòng trong đó có công tác Phòng không nhân dân của một số đồng chí cán bộ, đảng viên còn mang tính chủ quan, đại khái.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng, các sở, ban ngành và chính quyền địa phương có mặt thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ, thống nhất.

- Việc kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc triển khai, thực hiện công tác Phòng không nhân dân chưa thường xuyên, quyết liệt; công tác sơ kết, tổng kết và biểu dương, khen thưởng có lúc chưa kịp thời.

c. Bài học kinh nghiệm:

- Thường xuyên quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách và quan điểm chỉ đạo của cấp trên; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của chính quyền, các sở, ban ngành và đoàn thể trong việc tham mưu thực hiện công tác Phòng không nhân dân nhằm tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ huy và tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân biết, nắm vững nhiệm vụ, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác Phòng không nhân dân đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay. Xác định rõ trách nhiệm, đề cao tính tích cực, tự giác trong thực hiện công tác Phòng không nhân dân ở các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị; trong đó, người dân là chủ thể của công tác phòng tránh, sơ tán và đánh địch tiến công hòa lực.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong thực hiện nhiệm vụ Phòng không nhân dân, lấy kết quả triển khai thực hiện công tác Phòng không nhân dân gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhân công tác Phòng không nhân dân và phê bình, kiểm điểm nghiêm túc những tập thể, cá nhân chưa thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

4. Đánh giá chung:

Ban chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh và Ban chỉ đạo Phòng không nhân dân các huyện, thành phố đã kịp thời chỉ đạo và phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc,

đảm bảo hiệu quả công tác Phòng không nhân dân trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 74/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Phòng không nhân dân. Lực lượng phòng không thường xuyên được bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ về công tác Phòng không nhân dân để sẵn sàng thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Trong thời gian tới, các cường quốc quân sự trên thế giới sẽ tập trung đẩy mạnh đầu tư, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng nhiều công nghệ tiên tiến, hiện đại, tự động hóa với độ chính xác cao vào các loại phương tiện, thiết bị tiến công đường không. Do đó, tác chiến đường không sẽ là phương thức tác chiến chủ đạo của chiến tranh tương lai, vì vậy công tác Phòng không nhân dân và hoạt động Phòng không nhân dân phải quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Với kết quả đã đạt được trong thời gian qua, Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh luôn sẵn sàng nhận và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, là nhân tố quan trọng trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ địa phương đảm bảo, vững chắc góp phần bảo vệ Tổ quốc.

Phần thứ hai

TÁC ĐỘNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP TRONG THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

I. TÁC ĐỘNG CỦA CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Viện ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về Phòng không nhân dân đã tạo hành lang pháp lý và nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác Phòng không nhân dân ở các cấp. Trong đó đã xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và trách nhiệm quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện công tác Phòng không nhân dân tại đơn vị, địa phương. Các quy định của pháp luật về phòng không nhân dân đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và trách nhiệm của các cấp các ngành và sự chung tay, vào cuộc của cả hệ thống chính trị địa phương trong việc chỉ đạo, hoạch định nguồn nhân lực, vật lực, kinh phí để triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

II. VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP

Trong quá trình triển khai thực hiện các quy định của pháp luật Phòng không nhân dân có một số vướng mắc, cụ thể như sau:

- Chưa quy định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị ngoài lực lượng Quân sự nên trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ Phòng không nhân dân của các cơ quan, đơn vị chưa cao.

- Chưa quy định rõ các đối tượng phải thành lập tổ, đội chuyên môn Phòng không nhân dân và chưa quy định cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các đối tượng này.

- Chưa có quy định về chế độ, chính sách và quyền lợi đối với các tổ chức, cá nhân và người dân khi tham gia tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức về Phòng không nhân dân.

- Tiềm lực kinh tế - xã hội của địa phương chưa đáp ứng được với yêu cầu về quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình phòng tránh, sơ tán công cộng, các trận địa hỏa lực.

Phần thứ ba **KIẾN NGHỊ, ĐỀ NGHỊ**

Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh đề xuất, kiến nghị Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo Phòng không Trung ương xem xét một số nội dung sau:

1. Đề nghị Bộ Quốc phòng:

- Tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có văn bản quy định, hướng dẫn việc xây dựng các công trình lưỡng dụng, vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác Phòng không nhân dân.

- Quan tâm xem xét, cấp phát cho Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh các phương tiện, thiết bị để chế áp, tiêu diệt các loại phương tiện bay siêu nhẹ.

2. Đề nghị Ban Chỉ đạo Phòng không Trung ương xây dựng giáo trình tập huấn, huấn luyện cho các tổ, đội chuyên môn Phòng không nhân dân và xây dựng tài liệu cụ thể về công tác tuyên truyền Phòng không nhân dân để Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh tổ chức tuyên truyền đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân Trung ương và Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân Quân khu 5 biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo PKND Trung ương (b/c);
- Bộ Quốc phòng (b/c);
- Ban Chỉ đạo PKND Quân khu 5 (b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Cơ quan TT Ban Chỉ đạo PKND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo PKND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, BCD, NCLTD.

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục 1
CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)

TT	Số, ký hiệu văn bản	Thời gian ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung văn bản	Ghi chú
01	Quyết định số 142/QĐ-UBND	21/3/2016	UBND tỉnh	Thành lập BCĐ PKND tỉnh Kon Tum	
02	Quyết định số 146/QĐ-UBND	26/3/2021	UBND tỉnh	Kiện toàn BCĐ PKND tỉnh Kon Tum	
03	Quyết định số 237/QĐ-UBND	13/9/2016		Quy định địa bàn trọng điểm phòng không tỉnh Kon Tum	
04	Quyết định số 94/QĐ-BCĐ	25/4/2016	BCĐ PKND tỉnh	Quyết định ban hành Quy chế làm việc của BCĐ PKND tỉnh	
05	Quyết định số 96/QĐ-BCĐ	25/4/2016	BCĐ PKND tỉnh	Tổ chức Cơ quan Thường trực BCĐ PKND tỉnh	
06	Quyết định số 665/QĐ-BCĐ	03/4/2020	BCĐ PKND tỉnh	Kiện toàn Cơ quan Thường trực BCĐ PKND tỉnh	
07	Quyết định số 1034/QĐ-BCĐ	22/5/2016	BCĐ PKND tỉnh	Ban hành Quy chế kiểm tra PKND tỉnh	
08	Kế hoạch số 109/KH-BCĐ	04/7/2017	BCĐ PKND tỉnh	Kế hoạch hoạt động PKND tỉnh giai đoạn 2017 - 2020	
09	Chỉ thị công tác PKND tỉnh	Từ năm 2015 - 2021	BCĐ PKND tỉnh	Chỉ thị công tác PKND tỉnh	
10	Kế hoạch số 666/KH-BCĐ	03/4/2020	BCĐ PKND tỉnh	Kế hoạch tuyên truyền công tác PKND năm 2020	
11	Quyết định số 834/QĐ-CQTT	22/4/2020	CQTT BCĐ PKND tỉnh	Phân công nhiệm vụ đối với thành viên CQTT	
12	Kế hoạch công tác	Từ năm	CQTT BCĐ	Kế hoạch công tác PKND và hoạt động	

	PKND và hoạt động của CQTT	2015 - 2021	PKND tỉnh	của CQTT BCĐ PKND tỉnh	
13	Hướng dẫn số 1860/HD-CQTT	22/6/2017	CQTT BCĐ PKND tỉnh	Hướng dẫn thành lập Ban Công tác PKND cấp xã	
14	Hướng dẫn số 402/HD-CQTT	05/3/2020	CQTT BCĐ PKND tỉnh	Thành lập tổ, đội chuyên môn PKND của các sở, ban ngành trên địa bàn tỉnh	
15	Hướng dẫn số 483/HD-CQTT	13/3/2020	CQTT BCĐ PKND tỉnh	Hướng dẫn soạn thảo Kế hoạch PKND cấp huyện	
16	Hướng dẫn số 484/HD-CQTT	13/3/2020	CQTT BCĐ PKND tỉnh	Hướng dẫn soạn thảo Kế hoạch PKND cấp xã	

Phụ lục 2

KẾT QUẢ THÀNH LẬP VÀ NỀN NẾP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)

TT	TỔ CHỨC PKND	SỐ LƯỢNG			Ghi chú
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Ban chỉ đạo PKND	01	10		
2	Cơ quan Thường trực BCĐ PKND	01	10		
3	Cơ quan Chuyên trách BCĐ PKND	01			
4	Ban Công tác PKND xã			102	
+	Tổng	03	20	102	

Phụ lục 3**KẾT QUẢ TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC QUỐC PHÒNG AN NINH***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)*

Nội dung Năm	Giáo dục Quốc phòng cho các đối tượng (có nội dung PKND)				Giáo dục Quốc phòng cho HS, SV (có nội dung PKND)					
	ĐT2 (Lớp/QS)	ĐT3 (Lớp/QS)	ĐT4 (Lớp/QS)	CVTG (Lớp/vi)	THPT		THCN&DN		CĐ-ĐH	
					Tr/ Lớp	T.số HS	Tr/ Lớp	T.số SV	Tr/ Lớp	T.số SV
2015	1/42	2/226	12/2354		23/342	8756			03/6	2246
2016	1/43	2/238	12/2173	1/25	25/359	8992			03/6	2372
2017	1/43	2/214	12/2269		25/361	9027			03/6	2478
2018	1/42	2/206	12/2438	1/26	28/370	10.158			03/6	2782
2019	1/41	2/227	12/2372		28/373	10.839			03/6	2963
2020	1/42	2/248	12/2525	1/26	28/374	11.472			03/6	3228
2021	1/11				28/378	11.992				

Phụ lục 4**KẾT QUẢ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)*

TT	TÊN KẾ HOẠCH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Cấp tỉnh		
	Kế hoạch Phòng không nhân dân tỉnh Kon Tum	01	
2	Cấp huyện		
	Kế hoạch Phòng không nhân dân các huyện, thành phố	10	
3	Cấp xã		
	Kế hoạch Phòng không nhân dân xã	102	

Phụ lục 5
TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG PHÒNG KHÔNG DQTV

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)

TT	ĐƠN VỊ	DÂN SỐ	DQTV	TỔNG SỐ DQTV/PK						GHI CHÚ
				+	%	DQ/ PK	%	TV/ PK	%	
1	Đại đội PPK 37mm-1/TV Công ty Cao su Kon Tum		01c	44	100%			44	100%	
2	bSMPK12,7mm/DQTV huyện Đắk Glei	50.603	02b	46	100%	46	100%			
3	bSMPK12,7mm/DQTV huyện Ngọc Hồi	61.893	03b	69	100%	69	100%			
4	bSMPK12,7mm/DQTV huyện Sa Thầy	50.994	03b	69	100%	69	100%			
5	bSMPK12,7mm/DQTV huyện Ia H'Drai	8.610	02b	46	100%	46	100%			
6	bSMPK12,7mm/DQTV huyện Tu Mơ Rông	28.300	01b	23	100%	23	100%			
7	bSMPK12,7mm/DQTV huyện Đắk Tô	49.343	03b	69	100%	69	100%			
8	bSMPK12,7mm/DQTV huyện Đắk Hà	82.807	01b	23	100%	23	100%			
9	bSMPK12,7mm/DQTV tp Kon Tum	170.784	03b	69	100%	69	100%			
10	bSMPK12,7mm/DQTV huyện Kon Plông	26.783	01b	23	100%	23	100%			
11	bSMPK12,7mm/DQTV huyện Kon Rẫy	29.485	01b	23	100%	23	100%			
+	Tổng	559.601	01c, 20b	504	100%	460	100%	44	100%	

* Năm 2021, lực lượng Dân quân tự vệ được biên chế theo Thông tư 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ. Cụ thể: Đại đội PPK 37mm biên chế 56đ/c, Trung đội SMPK 12,7mm biên chế 31đ/c. Vậy tổng quân số DQTV Phòng không: **676đ/c/10.840đ/c** Dân quân tự vệ toàn tỉnh.

Phụ lục 6**TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG ĐÁNH ĐỊCH XÂM NHẬP, TIỀN CÔNG ĐƯỜNG KHÔNG***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)*

TT	ĐƠN VỊ	LLPK Thường trực	Lực lượng PK/DBĐV			Lực lượng PK/DQTV			PKKN KĐ/QS	Ghi chú
			dPPK/QS	c12,7/QS	b12,7/QS	cP37/QS	b12,7/QS	TỔ BB/QS		
1	Các sở, ban ngành							36/108		
2	Bộ CHQS tỉnh		01/241			01/56				
3	Trung đoàn 990	01b/23		02/134	05/85					
4	Huyện Đắk Glei				01/35		02	93/279	01/04	
5	Huyện Ngọc Hồi				01/35		03	68/204	01/04	
6	Huyện Sa Thầy				01/35		03	64/192	01/04	
7	Huyện Ia H'Drai				01/35		02	21/63	01/04	
8	Huyện Tu Mơ Rông				01/35		01	86/258	01/04	
9	Huyện Đắk Tô				01/35		03	61/183	01/04	
10	Huyện Đắk Hà				01/35		01	84/252	01/04	
11	TP Kon Tum				01/35		03	154/462	01/04	
12	Huyện Kon Plông				01/35		01	76/228	01/04	
13	Huyện Kon Rẫy				01/35		01	49/147	01/04	
+	Tổng	01b/23	01/241	02/134	15/435	01/56	20/620	792/2.376	10/40	

Phụ lục 7**LỰC LƯỢNG CHUYÊN MÔN PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)*

TT	ĐƠN VỊ	Lực lượng quan sát TB, BĐ PK		Lực lượng vây bắt giặc lái		Lực lượng tuyên truyền		Lực lượng nguy trang sơ tán		Lực lượng cứu thương, cứu hỏa, cứu sập		Ghi chú
		Số tổ	Quân số	Số tổ	Quân số	Số tổ	Quân số	Số tổ	Quân số	Số tổ	Quân số	
1	Các sở, ban ngành	22	66			48	144			56	168	
2	Huyện Đắk Glei	12	60	12	60	12	60	12	60	12	60	
3	Huyện Ngọc Hồi	08	40	08	40	08	40	08	40	08	40	
4	Huyện Sa Thầy	11	55	11	55	11	55	11	55	11	55	
5	Huyện Ia H' Drai	03	15	03	15	03	15	03	15	03	15	
6	Huyện Tu Mơ Rông	11	55	11	55	11	55	11	55	11	55	
7	Huyện Đắk Tô	09	45	09	45	09	45	09	45	09	45	
8	Huyện Đắk Hà	11	55	11	55	11	55	11	55	11	55	
9	Thành phố Kon Tum	21	105	21	105	21	105	21	105	21	105	
10	Huyện Kon Plông	09	45	09	45	09	45	09	45	09	45	
11	Huyện Kon Rẫy	07	35	07	35	07	35	07	35	07	35	
+	Tổng	134	576	102	510	150	654	102	510	158	678	

Phụ lục 8**KẾT QUẢ CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN LỰC LƯỢNG CHUYÊN TRÁCH PKND***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)***1. Tập huấn cán bộ Phòng không các cấp:**

TT	Năm	Thời gian (Ngày)	Quân số	Kết quả kiểm tra				
				Số lượt KT	Khá giỏi		Đạt	
					Số lượt	Tỷ lệ %	Số lượt	Tỷ lệ %
1	2015	03	24	24	17	71	07	20
2	2016	03	20	20	16	80	04	20
3	2017	03	25	22	16	73	06	27
4	2018	04	39	35	26	74	09	26
5	2019	03	39	39	29	75	10	25
6	2020	03	57	50	37	74	13	26
7	2021	03	40	32	24	75	08	25

2. Kết quả huấn luyện phân đội Đài quan sát/PK:

TT	Đơn vị	Năm	Quân số			Kết quả kiểm tra				
			Tổng QS	TT	TS, ĐX	Số lượt KT	Khá giỏi		Đạt	
							Lượt	%	Lượt	%
1	Đài quan sát 13K5-4	2015	06	02	04	157	116	74	41	26
2		2016	06	02	04	210	160	76	50	24
3		2017	06	02	04	140	105	74	35	25
4		2018	06	02	04	112	86	77	26	23
5		2019	06	02	04	162	128	79	34	21
6		2020	06	02	04	121	93	77	28	23
7		2021	06	02	04	56	43	76,7	13	23,3

3. Huấn luyện các phân đội PPK và SMPK/DBĐV:

TT	NĂM	ĐƠN VỊ	DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN								GHI CHÚ		
			C.BỘ SỐ LỚP/QS	HUẤN LUYỆN PHÂN ĐỘI				KẾT QUẢ K. TRA					
				T. số (c, b)	T. gian (ngày)	Quân số		Khá, Giỏi	Tỷ lệ %				
	PPK	SMPK	TT, TS	+									
1	2015	Bộ CHQS tỉnh	11							8	73		
2	2016	PTM/Bộ CHQS tỉnh	1/23	01c	15	65			65	67	76		
		Huyện Đắk Hà		01b	23		23		23				
		TP. Kon Tum		01b	23		23		23				
		Trung đoàn 990 và các huyện còn lại	15								11	73	
3	2017	PTM/Bộ CHQS tỉnh		01c	23	54			54				
		Trung đoàn 990		01c	23		61		61				
				01b	15		23		23	17	74		
		Huyện Sa Thầy		01b	23		23		23				
	Huyện Tu Mơ Rông		01b	23		23		23					
4	2018	Trung đoàn 990		01b	15		23		23	18	78		
		Huyện Đắk Glei		01b	23		23		23				
		Huyện Kon Rẫy		01b	23		23		23				
		Các huyện còn lại	11							8	73		
5	2019	PTM/Bộ CHQS tỉnh	1/35							26	74		
		Trung đoàn 990	1/26							19	73		
		Huyện Kon Plông		01b	23		23		23				
		Huyện Đắk Tô		01b	23		23		23				
		Huyện Ia H'Dai		01b	23		23		23				
		Các huyện còn lại	03							3	100		
6	2020	PTM/Bộ CHQS tỉnh	1/47							36	76		

TT	NĂM	ĐƠN VỊ	DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN								GHI CHÚ	
			C.BỘ SỐ LỚP/QS	HUẤN LUYỆN PHÂN ĐỘI				KẾT QUẢ K. TRA				
				T. số (c, b)	T. gian (ngày)	Quân số		Khá, Giỏi	Tỷ lệ %			
						PPK	SMPK			TT, TS		+
		Trung đoàn 990	1/33						24	72		
		Các huyện còn lại	16						12	75		
7	2021	PTM/Bộ CHQS tỉnh	1/36						27	75		
		Trung đoàn 990	1/8						6	75		
		Huyện Tu Mơ Rông		01b	23		35		35			
		Huyện Đăk Hà		01b	23		35		35			
		Huyện Sa Thầy		01b	23		35		35			
		Các huyện còn lại	6							6	100	

4. Huấn luyện các phân đội PPK và SMPK/DQTV:

TT	NĂM	ĐƠN VỊ	DÂN QUÂN TỰ VỆ								GHI CHÚ	
			C.BỘ SỐ LỚP/QS	HUẤN LUYỆN PHÂN ĐỘI				KẾT QUẢ K. TRA				
				T. số (c, b)	T. gian (ngày)	Quân số		Khá, Giỏi	Tỷ lệ			
						PPK	SMPK			TT, TS		+
1	2015	cPPK 36 -1/Tự vệ Cao su Kon Tum		01c	12	44			42	31	75	
		Các huyện, thành phố		20b	12		460		455	Khá		
2	2016	cPPK 36 -1/Tự vệ Cao su Kon Tum		01c	12	44			43	31	72	
		Các huyện, thành phố		20b	12		460		452	Khá		
3	2017	cPPK 36 -1/Tự vệ Cao su Kon Tum		01c	12	44			44	32	72	
		Các huyện, thành phố		20b	12		460		448	Khá		

TT	NĂM	ĐƠN VỊ	DÂN QUÂN TỰ VỆ								GHI CHÚ	
			C.BỘ SỐ LỚP/ QS	HUẤN LUYỆN PHÂN ĐỘI				KẾT QUẢ K.TRA				
				T. số (c, b)	T. gian (ngày)	Quân số		Khá, Giỏi	Tỷ lệ			
						PPK	SMPK			TT, TS		+
4	2018	cPPK 36 -1/Tự vệ Cao su Kon Tum		01c	12	44			41	30	73	
		Các huyện, thành phố		20b	12		460		457	Khá		
5	2019	cPPK 36 -1/Tự vệ Cao su Kon Tum		01c	12	44			40	31	77	
		Các huyện, thành phố		20b	12		460		450	Khá		
6	2020	cPPK 36 -1/Tự vệ Cao su Kon Tum		01c	12	44			42	31	75	
		Các huyện, thành phố		20b	12		460		451	Khá		
7	2021	Các huyện, thành phố		06b	12		186		183	Khá		

Phụ lục 9**KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG LỰC LƯỢNG CHUYÊN MÔN PKND***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)*

TT	NĂM	LỰC LƯỢNG	SỐ LƯỢNG TỔ	QUÂN SỐ	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1	2015					
2	2016		36	168	Khá	
3	2017		28	140	Khá	
4	2018		74	370	Khá	
5	2019		67	335	Khá	
6	2020		42	210	Khá	

Phụ lục 10**KẾT QUẢ CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN, DIỄN TẬP PKND***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)*

TT	Năm	DIỄN TẬP KVPT			DIỄN TẬP BẢN ĐẠN THẬT		GHI CHÚ
		Đơn vị cấp tỉnh	Đơn vị cấp huyện	Đơn vị cấp xã	Cấp cPPK	Cấp bSMPK	
1	2015						
2	2016		03			02	
3	2017	01	02		01	01	
4	2018		02			01	
5	2019		03			01	
6	2020						
7	2021		03				

Phụ lục 13
HỆ THỐNG CÔNG SỰ TRẬN ĐỊA, BÁO ĐỘNG PKND
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)

TT	Đơn vị	Đài quan sát		Trận địa			Còi ủ PK	Ghi chú
		Đài QS	Vọng QS	cPPK	bSMPK	TỔ BB		
1	Bộ CHQS tỉnh	01			01	06	01	
2	Trung đoàn 990		01		02	01		
3	Huyện Đăk Glei		01		01	12		
4	Huyện Ngọc Hồi				01	08	01	
5	Huyện Sa Thầy				01	11	01	
6	Huyện Ia H'Drai				01	03		
7	Huyện Tu Mơ Rông				01	11		
8	Huyện Đăk Tô				01	09	01	
9	Huyện Đăk Hà				01	11		
10	Thành phố Kon Tum				01	21	01	
11	Huyện Kon Plông				01	09		
12	Huyện Kon Rẫy				01	07		

Phụ lục 14
NGÂN SÁCH BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021 của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh Kon Tum)

TT	Năm	Đơn vị	Tổng	Chi cho các nhiệm vụ PKND					Ghi chú
				Tuyên truyền, giáo dục về PKND	Tập huấn, huấn luyện	Hoạt động PKND	Xây dựng công trình PKND	Các nhiệm vụ khác	
	2015	BCĐ PKND tỉnh							
		BCĐ PKND cấp huyện	2.500.000	2.500.000					
	2016	BCĐ PKND tỉnh	30.000.000	10.000.000		20.000.000			
		BCĐ PKND cấp huyện	2.500.000	2.500.000					
	2017	BCĐ PKND tỉnh	30.000.000	10.000.000		20.000.000			
		BCĐ PKND cấp huyện	3.000.000	3.000.000					
	2018	BCĐ PKND tỉnh	30.000.000	10.000.000		20.000.000			
		BCĐ PKND cấp huyện	3.500.000	3.500.000					
	2019	BCĐ PKND tỉnh	45.000.000	10.000.000		20.000.000		15.000.000	
		BCĐ PKND cấp huyện	3.500.000	3.500.000					
	2020	BCĐ PKND tỉnh	120.000.000	15.000.000		30.000.000		75.000.000	
		BCĐ PKND cấp huyện	4.000.000	4.000.000					
	2021	BCĐ PKND tỉnh	50.000.000	10.000.000		30.000.000		10.000.000	
		BCĐ PKND cấp huyện	4.000.000	4.000.000					